

VÀI SUY NGHĨ VỀ CÁI ĐẸP TRONG ĐIỀU TÀN CỦA CHẾ LAN VIÊN

Hà Hữu Tăng*

Viện Văn học

TÓM TẮT

Cái Đẹp trong thơ là kết quả tất yếu của những nỗ lực sáng tạo thi ca của nhà nghệ sỹ theo một cái nhìn thẩm mỹ độc đáo riêng. Đồng thời, đó cũng là đối tượng thẩm mỹ chủ yếu nằm trong “*tâm đốn đợi*” của độc giả.

Khởi sự trên con đường sự nghiệp thơ ca hướng đến *cái Đẹp*, nhà thơ trẻ Chế Lan Viên đã làm nên một độc sáng thi ca: *Điều tàn*. *Cái Đẹp* hiện lên trong *Điều tàn* là *cái tốt cùng Đau thương*. Nó đã đưa đến cho nhà thơ một tầm vóc lớn trên thi đàn Thơ mới, làm nền tảng cho những sáng tạo tiếp theo sau này của thi nhân.

Từ khóa: *Điều tàn, Chế Lan Viên, Thơ mới, cái đẹp*

Không có một sáng tạo nghệ thuật nào là không hướng đến *cái Đẹp*. *Điều tàn* là biểu tượng của cái Đẹp tài hoa và độc đáo của Chế Lan Viên. Từ khi được sinh ra đến nay nó đã trải qua gần ba phần tư thế kỷ, với sự soi xét, thẩm định của ngày càng nhiều các nhà nghiên cứu lý luận phê bình văn học, cũng như những độc giả yêu quý thơ ông. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa thấy có ai tìm hiểu *cái Đẹp* của thi phẩm này trên cơ sở quan niệm thẩm mỹ của tác giả một cách cụ thể và có hệ thống. Một số cây bút đụng đến vấn đề này, nhưng chỉ dừng lại ở những gợi ý, nếu có đặt thành vấn đề nghiên cứu thì cũng chỉ phân tích sơ lược, nhằm chỉ ra những nét khái quát về mỹ học của Chế Lan Viên. Có lẽ, bài viết *Đôi điều về mỹ học của nhà thơ Chế Lan Viên* của nhà thi pháp học hiện đại - Trần Đình Sử - là công trình đầu tiên trực tiếp khám phá cái Đẹp trong thơ Chế Lan Viên nói chung, trong *Điều tàn* nói riêng một cách tổng quát. Tác giả viết: “*Ngay từ Điều tàn, Chế Lan Viên đã nói tới việc làm thơ như làm một việc phi thường, nghĩa là không làm chuyện tầm thường, dung tục. Ông tìm đến cái Đẹp (mỹ) không phải trong cái “chân”, cái “thiện”, mà tìm tương tự trong hư ảo với Điều tàn*” (1). Nhà nghiên cứu phê bình văn học Việt nam hiện đại Vũ Tuấn Anh trong một bài viết về *Điều tàn* và *Vàng sao* của Chế Lan Viên đã nhận định: “*Cái đẹp mà thơ mới gắng sức tạo lập là mối giao cảm giữa người*

với người, giữa người với cảnh được thay thế bằng những hình ảnh quái dị, ghê rợn, được mô tả đầy khoái cảm” (2). Trong chuyên luận nghiên cứu về thơ Chế Lan Viên nói chung, khi bàn đến *cái Đẹp* ở *Điều tàn*, tác giả Hồ Thế Hà cho rằng, “*Cái đẹp là cái buồn, cái quái đản...*” (3). Để tiếp tục tìm lời giải cho vấn đề thực chất *cái Đẹp* trong *Điều tàn* là gì thêm thỏa đáng, bài viết nhỏ này của chúng tôi cố gắng tiếp cận *cái Đẹp* của tòa tháp thơ “*lẽ loi*”, “*bí mật*” này từ bản chất của nó, và trên cơ sở quan niệm thẩm mỹ của chính tác giả. *Cái Đẹp* trong thơ vốn là một sản phẩm tất yếu của một quan niệm thẩm mỹ của chủ thể sáng tạo ra nó. Qua cái nhìn thẩm mỹ về thơ và về *cái Đẹp* trong thơ, người ta có thể đoán định được khá chính xác tầm vóc tâm hồn, tư tưởng cũng như đặc điểm sáng tạo thi ca của nhà thơ đó. Quan niệm như thế nào về *cái Đẹp* thì nhà thơ tất sẽ thể hiện nó như thế trong thơ mình.

Khi viết lời *Tựa* cho tập thơ *Điều tàn*, Chế Lan Viên đã chính thức tuyên ngôn quan niệm về thơ, quan niệm về nhà thơ, cũng là tuyên ngôn về cái tôi trữ tình trong thơ của mình và Trường Thơ Loạn đã xem đây là tuyên ngôn chung của họ. Mở đầu lời tựa, Chế Lan Viên viết: “*Hàn Mặc Tử nói: Làm thơ tức là điên. Tôi thêm: Làm thơ là làm sự phi thường. Thi sĩ không phải là Người. Nó là Người Mơ, Người Say, Người Điên. Nó là Tiên, là Ma, là Quý, là Tinh, là Yêu. Nó thoát Hiện Tại. Nó xối trộn Dĩ Vãng. Nó ôm trùm*

* Tel: _____, Email: _____

Tương Lai. Người ta không hiểu được nó, vì nó nói những cái vô nghĩa, tuy rằng những cái vô nghĩa hợp lý. Nhưng thường thường nó không nói: nó gào, nó thét, nó khóc, nó cười. Cái gì của nó cũng tốt cùng. Nó gào vỡ sợ, nó thét đứt hầu, nó khóc trào máu mắt, nó cười tràn cả tủy là tủy. Thế mà có người tự cho là hiểu được nó, rồi đem nó ra so sánh với Người, và chê nó là giả dối, không chân thật. Vâng! Nó không chân thật nó giả dối với Người. Với nó, cái nó nói đều có cả”(4). Tập thơ Điều tàn chính là “đứa con thừa tự” của cái Tựa mang tính tuyên ngôn nghệ thuật này. Chính tác giả của nó đã khẳng định: “Hỏi rằng cái Tựa có phần tập thơ không? Không! Một nghìn lần không! Một trăm lần không! Quan niệm ở Tựa thế nào, thì con đường đi ở các bài thơ, tôi đã theo thế ấy” (5). Vậy nên, để đi vào khám phá cái Đẹp của Điều tàn, người ta không thể không đi qua cửa ngõ cái nhìn thẩm mỹ này của chủ nhân sáng tạo ra nó. Chỉ có như vậy mới tránh khỏi võ đoán khi nhận diện chân dung của cái Đẹp, cũng là của cái tôi trữ tình trong thi phẩm khiến không ít người kinh ngạc này.

Cái nhìn mỹ học nói trên của Chế Lan Viên được hình thành bởi bốn yếu tố cơ bản: *Tài năng thiên bẩm; Sự ám ảnh kì dị của những tháp Chàm lở lói, rêu phong trong tâm thức thi nhân, biểu tượng của cái Đẹp một thời Chiêm quốc còn sót lại sau sự hủy diệt; Các triết thuyết tôn giáo và chủ nghĩa lãng mạn, tượng trưng và siêu thực Phương Tây.*

Hồn thơ đa cảm của Chế Lan Viên vốn “trời cho”. Vì vậy, nó đặc biệt nhạy cảm với những nỗi buồn đau nhân thế. Chính nhà thơ cũng đã tự ví mình với giọt lệ, với tất cả những gì thuộc về cái đau thương: “Tôi chỉ là một cơn mưa. Một dòng nước mắt. Một viên gạch đổ. Một ánh hoàng hôn... Tôi quản lý những tháp đổ, những nắm mồ...” (6). Nhà thơ thường rất tâm đắc với câu nói nổi tiếng “Tôi không thể rời lòng tôi xa những cái đau thương” của một thi sĩ lớn là vì thế.

Một hồn thơ giàu cảm xúc lại sống giữa thế giới của những tháp Chàm rêu phong, bí ẩn, luôn luôn thì thầm những điều còn mất với hư vô, nên đã sớm bén lòng nỗi ám ảnh về sự mất mát, thương đau, sự mong manh hư ảo của cái Đẹp đã đi về Dĩ Vãng của dân tộc Chiêm Thành. Không chỉ nhạy cảm với hoàn

cảnh sống quanh mình vốn đượm đậm những sầu đau, thương nhớ, thi nhân còn chủ động tìm đến Chúa, đến Phật, đến những tư tưởng triết mỹ của chủ nghĩa lãng mạn, tượng trưng và siêu thực phương Tây. Đến đâu nhà thơ cũng gặp cái Đẹp trong đau thương siêu hình. Sau này, khi đi theo cách mạng, nhìn lại, thi nhân thú nhận: “Nỗi buồn ghê gớm nhất, những hư vô sâu thẳm nhất để lại cho tôi, chính do các nền tôn giáo. Mở đầu tôi yêu Chúa. Rồi tôi yêu Phật. Tôi tìm Chúa qua các giáo lý của Cơ đốc giáo, của Tin lành. Và tôi tìm Phật nơi bàn thờ Phật của cha tôi, ở kinh các chùa và ở ngoài chùa nữa. Có lẽ văn chương đã góp phần nhiều, dẫn lối đưa đường nhiều trong vấn đề này. Làm sao không rung động được trước những trang Tân ước và Cựu ước, trước cái trữ tình của Nhã Ca (*Cartique des cantiques*) và siêu thực của Khải Huyền (*Apocalypse*). Và Kinh Lãng Nghiêm kiến trúc tầng tầng lớp lớp sâu thẳm và rạn rờ như cái trời sao thẳm thẳm rạn rờng làm tôi mê lúc ấy”(7). Trường Thơ Loạn nói chung, Chế Lan Viên nói riêng đều chịu ảnh hưởng trực tiếp và khá sâu đậm quan niệm thẩm mỹ của Edgar Poe, nhất là của các nhà thơ thuộc trường phái thơ lãng mạn, tượng trưng và siêu thực Pháp. Trong đó ảnh hưởng đặc biệt là từ vị sư tổ Baudelaire. Do những ảnh hưởng trên đây, nên lý tưởng thẩm mỹ của nhà thơ cũng như của Trường Thơ Loạn mang tính chất tôn giáo siêu hình của thơ ca siêu thực. Cái nhìn thẩm mỹ của các nhà siêu thực xuất phát từ “Thuyết tương đối” của nhà bác học thiên tài Albert Einstein. Chế Lan Viên cũng đã từng nhắc đến câu nói thể hiện quan niệm về cái Đẹp của nhà bác học này trong một bài viết của mình: “Cái đẹp đẽ nhất mà chúng ta có thể trải nghiệm là cái bí ẩn. Đó là cảm thức nền tảng trong cái nôi của nghệ thuật và khoa học chân chính. Kẻ nào không biết đến nó, không có khả năng ngạc nhiên hay kinh ngạc, kẻ đó coi như đã chết, đã tắt rụi lửa sống trong mắt mình”(8). Theo ý tưởng của nhà bác học, cái Đẹp mà chủ nghĩa siêu thực hướng đến là cái “bí ẩn”. Nó chính là cái ảo, cái siêu hình trong cõi vô thức mênh mông, sâu thẳm của cái phần “Con người ngủ” của chính mình theo *Thuyết Phân tâm học* của Sigmund Freud. Đối với nhà thơ siêu thực, “cái thực là cái không thực” và “cái không thực là sự thực”. Đó là kiểu “sự thật siêu tưởng”. Trong thơ họ, cái “thực” và

cái “ảo” đan xen với nhau, song cái “ảo” là chủ yếu.

Tuyên ngôn về sáng tạo thi ca nói trên của Chế Lan Viên phản chiếu rất rõ nét tư tưởng mỹ học của các nhà siêu thực phương Tây - *Cái nhìn siêu thực thể hiện ở cái tôi siêu hình đầy bí ẩn trong thế giới của tiềm thức, chiêm bao mê mông, rợn ngợp và quá sức kinh dị.* Song cái Tôi trong *Điều tàn* còn là một hình tượng độc sáng. Điều này mới là căn bản. Nó là biểu tượng của cái Đẹp xét trên cả hai phương diện nội dung và hình thức, nhưng nội dung là nền tảng. Nó là cái rất “ảo”, nhưng đồng thời cũng là cái rất “thực”. Nó tuy “không phải là Người”, “Nó là Người Mơ, Người Say, Người Điên, Nó là Tiên, là Ma, là Quỷ”, nhưng cái mặt “ảo” này của nó lại là sự phản chiếu kỳ diệu cái mặt thật của Người: *cái mặt tốt cùng Đau thương!* Bởi vì, *Nguyên tắc thể hiện thẩm mỹ của nó là: tốt cùng và chân thật. (Cái gì của nó cũng tốt cùng ... Với nó, cái gì nó nói đều có cả.* Với nó, chỉ có hình thức siêu hình kinh dị mới thể hiện được đầy đủ và toàn vẹn tính chất tốt cùng *Đau thương* của nó. Cái diện mạo siêu hình kinh dị đến rợn ghê người là cái phương tiện, cái hình thức phản ánh và phản ứng lại cái thực tại tầm thường, nhàm chán và vô vị đang hiện hữu trước mắt nó, thể hiện nỗi lòng khổ đau, buồn chán, tiếc thương vô hạn của nó trước cái Đẹp đã trở thành *Dĩ Vãng*: “*non nước giống dân Hời! Cái tôi “phi thường” với tính chất tốt cùng và chân thật vừa là hiện thân của chân lý sáng tạo nghệ thuật, vừa là chứng nhân của một cái nhìn thẩm mỹ đầy tính sáng tạo mới lạ và độc đáo của “một thi sĩ thần đồng đã làm cho thiên hạ ganh tị”* (Hàn Mặc Tử). Đây là một đóng góp quan trọng của một thi sỹ trẻ cho nền thơ thời đại nói chung. Tựu chung, với tác giả *Điều tàn*, cái Đẹp là hiện thân của cái “phi thường”. Đó là ý chí, là tình cảm to lớn, chân thật của con người vượt lên trên giới hạn của cái bình thường, phổ biến mà con người thường gặp và quan niệm. Nó có tầm cỡ lớn lao về nội dung và hình thức biểu hiện. “Tính trội” của nó vừa biểu hiện ở hình thức bên ngoài khác lạ, vượt hơn hẳn cái chuẩn mực quen thuộc mà tri giác cảm tính của con người thường xác định, vừa ở nội dung sâu kín bên trong. Chính vì vậy, nó là một hiện tượng thẩm mỹ độc đáo, khó hiểu, thậm trí khiến người ta

hiều sai về nó. Tuy nhiên, đây lại chính là những biểu hiện của tính chất phi thường độc đáo của nó. Từ những căn cứ trên cơ sở thẩm mỹ về cái Đẹp của Chế Lan Viên nói trên cho thấy: *cái gì là nội dung cơ bản của cái “phi thường”, có tính chất tốt cùng, chân thật và hình thức độc đáo, lạ thường, đây chính là cái Đẹp của Điều tàn.*

Chiều theo nguyên tắc mỹ học đặc thù trên đây của Chế Lan Viên, rõ ràng cái Đẹp trong *Điều tàn* không chỉ là “cái buồn, cái quái đản”. Hơn thế, ở đây, cái Đẹp là cái tốt cùng *Đau thương!* Đó mới chính là nội dung sáng tạo chủ đạo làm nên bản sắc của cái Đẹp trong *Điều tàn*. Còn “điên”, “buồn”, hay “quái đản” chỉ là những động thái, hình thức của *Đau thương* mà thôi. Nói khác đi, chúng là những sự cất tiếng, hiện hình của *Đau thương*. *Đau thương* trở thành một thứ “trữ kim” tốt cùng, hay một thứ “siêu nghiệm” vừa là dạng thức, vừa là cung bậc của cảm xúc thường trực trong hồn thơ của Chế Lan Viên. “Điên”, “Buồn”, hay tất cả yếu tố dị thường đến mức kì quái khác, chỉ có thể nên thơ là nhờ được đảm bảo bằng một thứ “siêu nghiệm” một thứ “trữ kim” tốt cùng như thế.

Tâm điểm của cái buồn thời đại nằm ở Thơ mới. Nhưng cái *Đau thương* lớn lao thì chỉ có ở Trường Thơ Loạn với hai cái đỉnh chói ngát: *Đau thương của Hàn Mặc Tử và Điều tàn của Chế Lan Viên*. Tuy nhiên, mỗi thi tài lại ngự ở mỗi đỉnh *Đau thương* khác nhau và bản sắc *Đau thương* của mỗi người mỗi khác. Ở Hàn Mặc Tử là cái *Đau thương* của một xác thân được chuyển hóa sang địa hạt tinh thần, hóa thân vào nỗi đau tinh thần. Trước hết, người ta nhận thấy trong thơ Hàn một nỗi đau thân xác quặn quại xé ruột, xé gan:

Thịt da tôi sượng sần và tê điếng

Tôi đau vì rùng rợn đến vô biên.

(Hồn là ai)

Thơ Hàn Mặc Tử thăng hoa trên cái bề máu và nước mắt của một định mệnh tàn khốc đã chuyển hóa thành nỗi đau tinh thần quá hạn độ, dồn đẩy Tử đến bờ vực tuyệt vọng.

Mặt khác, *Đau thương* ở Tử còn là sự cộng hưởng giữa nỗi đau bi thảm của thân xác với nỗi đau tinh thần bởi một tình yêu bị phụ bạc “*Ôi trời ôi! Là Phan Thiết! Phan Thiết!*

Mà tang thương còn lại mảnh trăng rơi
(Phan Thiết! Phan Thiết!).

Chính trên cái nền cộng hưởng của những mối *Đau thương* tuyệt vọng vừa nói ở trên đây, đã sản sinh ra niềm *Hoan lạc* vô biên. Đó là biểu hiện của một nỗ lực vượt thoát khỏi tình trạng bệnh tật trong những huyền tưởng sáng tạo. *Đau thương* và *Hoan lạc* là hai mặt nghịch lý của cái tôi trữ tình kỳ dị, làm nên một cặp song trùng, hô ứng một cách dị thường. Sự nghịch lý này tạo nên cái *Lạ* - cái chất thơ độc đáo riêng của "*Đau thương*", "*Cả người rung động bởi thương đau/ Bởi vì mê mẩn vì khoan khoái/ Anh cần lời thơ để máu trào*" (Lưu luyến). Và do vậy, *Đau thương* hiện lên trong bản hòa tấu giữa máu, nước mắt và giọng cười *Hoan lạc* "*Xin dâng này máu đang tươi/ Này đây nước mắt, giọng cười theo nhau*" (Bến Hàn Giang). *Đau thương* ở *Tử* là sự trả giá quá đắt cho một thứ trải nghiệm thân xác và trải nghiệm tình yêu không mong đợi trên cái nền sống chung của một xã hội ngọt ngào ám khí. Tuy cũng đều là tốt cùng *Đau thương* cả, nhưng bản sắc cái *Đau thương* của Chế Lan Viên trong *Điều tàn* cơ bản khác với Hàn Mặc Tử trong "*Đau thương*". Nếu ở phía *Tử*, cái *Đẹp* khởi phát từ cái "*đỉnh*" *Đau thương* thân xác, thì ở Chế, nó lại xuất phát từ đáy lòng và trong sâu thẳm cõi tâm hồn luôn bị ám ảnh bởi cái *Đẹp* với ý nghĩa phổ quát của nó xoay quanh mối quan hệ giữa cái *Đẹp* và cái *Siêu hình* để trở thành một độc sáng.

Tính chất "*đỉnh*" của cái *Đau thương* trong thơ Chế, trước hết thể hiện ở tầm vóc và quy mô của nó. Chế Lan Viên tuy không có cái lợi thế vốn có bất đắc dĩ của sức mạnh cộng hưởng giữa cái *Đau thương thân xác* và *Đau thương tình ái*, nghĩa là bao gồm cả thể xác lẫn tâm hồn như *Tử*, nhưng *Đau thương* trong *Điều tàn* vẫn đạt tới tầm vóc vũ trụ của nó. Đó là một cái *Đau thương* lớn: *Đau thương* "*phi thường*"! Nó hiện hình trong thơ với các trạng thái mang tính chất đặc trưng của bản sắc tâm hồn thi sĩ: "*khổ đau*", "*sâu hận*" và "*thương nhớ*". *Điều tàn* là thế giới của *Đau thương*. Một thế giới toàn những *sợ người*, *xương*, *tủy*, *máu*, *não*, *bóng tối* và *yêu ma*. Đồng thời với thế giới hình ảnh rùng rợn này là một thế giới tâm trạng rất những "*sâu đau*", "*buồn giận*", "*đắm say*", "*mong nhớ*"

luôn luôn đi kèm. Những tâm trạng đặc trưng đó làm thành một nét phổ biến, một điệp khúc chủ đạo trong bản giao hưởng cuồng loạn của cái *Đau thương* ("*Lời thơ ta đầy những điệu sầu bi/ Đầy hơi thật, ý ma cùng xác chết*"; "*Để sầu lo, buồn giận đắm say lòng/ hơi muôn người hãy xa giòng quên lãng/ Cứ yêu thương, cứ nhớ tiếc, cứ mơ mong*"; "*Mà nắng chéch huyết sâu um cỏ dại/ Ta buồn thương, nhớ tiếc với trông mong*"; "*Trong lòng ta là huyết bỏ với trong hồn/ Là mồ không lạnh lòng sưng giá động/ Toàn khổ đau, sầu não với buồn lo*"; "*Và từ đáy lòng ta luôn tràn ngập/ Nỗi buồn thương nhớ tiếc giống dân Hời*"...). Cái *Tôi* trong *Điều tàn* "*Đã yêu thương thì yêu thương đến da diết, điên dại, và căm ghét cũng đến độ từ bỏ, loại trừ*"(9). Cái *Tôi* trong *Điều tàn* dứt khoát đoạn tuyệt với tất cả những gì là biểu hiện của cái tươi đẹp, của sự sống thực tại, ngược lại với tâm trạng buồn đau, tuyệt vọng của nó ("*Tôi có chờ đâu, có đợi đâu/ Đem chi xuân lại gọi thêm sầu*"). *Đau thương* ở đây được biểu hiện ra bằng một niềm *tuyệt vọng lớn* cũng như Hàn, nhưng bản chất sự *tuyệt vọng* của Chế khác xa với cái *tuyệt vọng* của *Tử*. Thơ *Tử* cất lên tiếng nấc *tuyệt mệnh*, nhưng còn vẫn tiếc đời, níu đời :

Tôi còn trù mền biết bao người

Vẽ đẹp sa hoa của đất trời

Đầy lệ, đầy thương, đầy tuyệt vọng!

Đây giờ hấp hối sắp chia phôi

Trái ngược hẳn với *Tử*, cái *Tôi* trong thơ Chế coi mình sống mà như đã chết, đã thành hư vô. Bởi vậy, mọi cái trên đời này với nó, đều chẳng có nghĩa lý gì hết. Với nó, tất cả chỉ là cái *Đau thương*: *tốt cùng Đau thương*

Với tôi tất cả như vô nghĩa

Tất cả không ngoài nghĩa khổ đau.

Nó xem như hồn mình đã lia khỏi xác, có còn sống chẳng chỉ là sống cái phần hữu thể - tức cái xác không hồn. Đối với nó, cái phần hồn mới là cái *Đẹp*. Vì nó là kết tinh của tất cả những gì tinh hoa, tinh túy nhất của con người như nó quan niệm: "*Tôi là kết tinh của ánh trăng trong*", còn cái phần thân xác kia chẳng qua cũng chỉ là cái thứ cặn bã khi đã mất đi cái phần hồn.

Càng “*yêu thương*”, “*nhớ tiếc*” cái *Đẹp Siêu hình* đến mê dại, nó càng chán chường đến tuyệt vọng cái thế giới khách thể có mà như không trong con mắt thơ của nó “*Trời hồi trời! Hôm nay ta chán hết/ Những sắc màu hình ảnh của trần gian*” (Tạo lập). Có quan niệm trần gian là nổi chết: *Đau đớn thay cho đến cả linh hồn/ Cứ bay đi tìm Chán Nản với U Buồn*, nó là căn nguyên sâu xa gây ra “*cái chán nản, mạnh mẽ và to lớn dị thường*” (“*Ai đâu trở lại mùa thu trước / Nhật lấy cho tôi những lá vàng/ Vời của hoa tươi, muôn cánh rã/ Về đây đem chắt nẻo xuân sang*”). Với nó, cái *Đẹp* chỉ có trong thế giới *Đau thương - Siêu hình* (“*Ai Trần gian không uống máu đào tươi? / Không hút tận tủy xương bao kẻ khác?*”). Cái tôi hướng tất cả lòng mình, tâm hồn mình về nơi cái *Đẹp* chìm ẩn trong *Dĩ Vãng* bằng con đường nội cảm hóa thế giới khách thể thành thế giới của chủ thể “*Ta nhắm mắt mặc yên cho Hiện Tại/ Biến dần ra Dĩ Vãng ở trên mi*”. Cái *Đẹp* được tạo ra từ sự cộng hưởng cao độ giữa linh hồn thi nhân với những linh hồn Chiêm quốc. Cái *Đẹp* ở đây đã đẩy cái nhớ thương, mong ước lên đến tột đỉnh và nhuộm màu tang thương “*Ô hay, tôi lại nhớ thu rồi/ Mùa thu róm máu rơi từng chút/ Trong lá bàng thu đỏ ngập trời*”). Xem ra như thế, thời gian và không gian mênh mông, vô tận trở thành thước đo định lượng tâm vóc nỗi niềm, tâm trạng của cái *Tôi* trong thơ. Và ngược lại, các đơn vị định lượng này cũng thay đổi, chuyển dịch theo cái nhìn thẩm mỹ của chủ thể sáng tạo “*Thay đổi rồi vẫn còn thay đổi mãi/ Không gian kia còn có lúc chuyển thiên di*”.

Những nét tâm trạng điển hình “*buồn*”, “*thương*”, “*nhớ*”, “*tiếc*” nói trên, khi vượt qua giới hạn thông thường, sang địa hạt của cái “*phi thường*”, chúng chuyển hóa thành những động thái *Đau thương* cuồng loạn. Biểu hiện tột cùng của cái *Đau thương* là ở tính chất “*kinh dị*” của những động thái này. Cũng giống như trường hợp Hàn Mặc Tử nói ở trên đây, khi cái *Đau thương* lên đến tột đỉnh thì nó thăng hoa và biểu lộ ra bằng những động thái như là những nghịch lý của nó: *niềm khoái lạc vô biên!* Cái cơ chế *Đau thương* này đã làm xuất hiện niềm “*kinh dị*”, một biểu hiện độc đáo của cái *Đẹp* với ý nghĩa: cái *Đẹp* là cái tột cùng *Đau thương!*

Chính là do cái ý nghĩa bí ẩn này của cái *Đau thương*, nên hàng loạt các động thái kỳ quái (“*điên cuồng*”, “*rồ dại*”, “*say sưa*”, “*riết*”, “*cắn*”, “*nhai*”, “*nuốt*” ...) không những không gây sự phản cảm, trái lại còn tạo ra hiệu cảm thẩm mỹ cao một cách bất thường. Chế Lan Viên tuy chịu ảnh hưởng lớn quan niệm thẩm mỹ về cái *Đẹp* của Baudelaire, tác giả *Hoa Ác* mà nhà thơ yêu quý từ cái tuổi hoa niên, nhưng thi sĩ đã mở được lối đi riêng cho thơ mình, chứ không chịu làm cái bản sao của vị sư tổ trường phái Thơ Tượng trưng của Pháp. Do vậy, ở *Điều tàn*, tuy có nhiều hình ảnh máu, xương ... quái dị nhưng không hề gây cảm giác kinh dị đến mức ghê người như hình ảnh cái xác chết thối rữa của cô gái đẹp bị ròi bọ xâu xé trong *Hoa Ác*. Bởi vì thế giới kinh dị trong thơ Chế Lan Viên không chỉ là thế giới cất tiếng *Đau thương* mà còn là thế giới của cái *Đẹp thức tỉnh* lòng người tri ân với nó. *Điều tàn* của Chế Lan Viên tuy kinh dị nhưng căn bản vẫn mang cốt cách của một hồn thơ Việt giàu tính nhân văn là vì thế. Cái *Đau thương* ở đây đã đốt cháy đến tận cùng khát vọng tận hưởng và chiếm lĩnh cái *Đẹp* trong trái tim con người:

Hỡi yêu tinh...

Ta muốn thấy mi kêu gào, mi than thở.

Ta muốn nghe mi khóc lóc, mi van lơn!

Ta muốn trông, từ mắt mi, máu đỏ,

Từ đầu mi, não trắng rú nhau tuôn!

(*Xương khô*)

Nhưng không chỉ giản đơn có vậy. Điều quan trọng hơn, đó còn là những động thái biểu hiện sự sáng tạo đầy tính thẩm mỹ mới lạ:

Hỡi chiếc sọ, ta vô cùng rồ dại

Muốn riết mi trong sức mạnh tay ta

Để những giọt máu đào còn đọng lại

Theo hồn ta, tuôn chảy những lời thơ.

(*Cái sọ người*)

Vậy nên, niềm “*kinh dị*” được tạo ra từ những khoái thú dị thường, lại đưa đến niềm kiêu hãnh, ngạo mạn như một thái độ đáp trả cái thực tại Trần Gian vô thủy vô chung:

“Rồi lấy ra một khớp xương rợn trắng

Nút bao giò huyệt đâm khí tanh hôi

Tìm những miếng trần gian trong tủy cạn

Rồi say sưa vang cất tiếng hát reo cười.

Cái lạ là cái “kinh dị”. Nó là biểu hiện của một niềm tuyệt vọng lớn, nhưng đây lại chính là nguồn sống, nguồn thơ của tâm hồn thi sĩ. Cái lạ làm nên hiệu cảm thẩm mỹ ngoài tưởng tượng của Điều tàn không phải nằm ở nội dung của những động thái kinh dị đầy nghịch lý đó, mà cái chính là ở “*cái khí lực truyền cảm*” lạ thường của một tiếng thơ trong sáng, hồn nhiên và chân thực như là không thể chân thực hơn. Chế Lan Viên đã nói rõ về vấn đề này: “*Phương pháp biểu hiện là phụ, cái chính là sự chân thành*”. Bởi vậy, nếu đem phân tích một cách máy móc tất cả các yếu tố cấu thành hình thức nghệ thuật thơ Điều tàn để đi đến định giá giá trị nghệ thuật của nó thì e có phần bất cập. Nhưng nếu nhìn nhận giá trị nghệ thuật đích thực của nó từ góc độ cái nhìn thẩm mỹ về cái Đẹp của tác giả, lấy tiêu chí hiệu quả nghệ thuật làm căn bản thì Điều tàn “*không thể có kích thước thường nào mà hòng đo được*” như Hoài Thanh đã định vị nó trong *Thi nhân Việt nam*. Chính sự thành thực không thể thành thực hơn, đã thể hiện trong hình tượng cái tôi trữ tình với tất cả các biến thái và động thái *Đau thương* “kinh dị” của nó, đã khiến cho Điều tàn cảm động được lòng người từ nhiều thập kỷ nay, và có lẽ còn lâu hơn thế, khi khoa học và tâm linh đã có được những tiếng nói chung. Tiếng lòng chân thực của nó chính là tiếng nói của tâm linh, siêu hình. *Cái giá trị vượt trội của tiếng nói nghệ thuật này là ở chỗ sức mạnh chinh phục lòng người không thể cưỡng lại của nó*. Cái gì thuộc về tâm linh, siêu hình đều thiêng liêng và đáng tin cậy. Nó là tiếng nói phát ra từ trong sâu thẳm tâm tưởng của mình nói với chính lòng mình. Nói dối kẻ khác may ra có thể được, chứ nói dối lòng mình thì không thể. Không thể có cách nói nào hơn trong tiếng nói tâm linh bằng lòng thành thực của chính mình. Đại thi hào Nga L.Tolxtoi đã từng nói : “*Nói tóm lại, tác phẩm nghệ thuật hay hoặc dở tùy thuộc vào điều nhà văn nói ra, cách anh ta nói và anh ta nói có thật lòng không*”. Điều tàn đúng là một thi phẩm nói về nỗi đau trong tận cùng tâm linh, nói bằng cách nói của tâm linh và bằng cả một tấm lòng ngưỡng mộ cái Đẹp tâm linh. Vì thế nên nhà nghiên cứu văn học Hoài Thanh đã quả

quyết: “*Nói láo đành dễ, nhưng cái khó là nói láo mà vẫn không biết mình nói láo, cái khó là có thể tin lời mình nói . Mà Chế Lan Viên tin lời mình ghê lắm... Chế Lan Viên đã để trong tiếng kêu của mình một lòng tin đau đớn... Nếu một nỗi đau đớn như thế mà có thể cho là bày đặt thì ở đời không còn gì tin được nữa*”(10). Và không đợi đến Hoài Thanh, ngay khi thi phẩm này vừa chào đời, Hàn Mặc Tử đã phải thốt lên kinh ngạc trước cái tiếng thơ thành thực đến mức khiến cho đến cả Khải Hưng - một bậc anh tài trên văn đàn bấy giờ phải ngộ nhận, lầm tưởng Chế Lan Viên thực sự là thuộc dòng dõi Chế Bồng Nga và “*đã đem lại cho Điều tàn sự vinh quang ngoài tưởng tượng*”: “*Ông Chế Lan Viên nếu không phải là trích tiên ở thượng giới đưa xuống trần gian thì hẳn là một người có máu Chàm, nghĩa là kiếp trước ông vốn nòi giống Chiêm Thành vậy. Không thể làm sao ông lại khóc được, khóc một cách ngon lành... Tôi nhận thấy cái khóc của ông bằng nước mắt thì ít mà khóc bằng phổi, bằng tim, bằng hồn, bằng máu thì nhiều*”(11). Nên cái tiếng thơ thành thực, trong sáng và hồn nhiên ấy đã làm động lòng được thiên hạ cũng là điều dễ hiểu. Chính Chế Lan Viên trong bài *Trường Thơ Loạn ông Trương Tửu cãi lại ông Trương Tửu*, khi ông này chê tiếng khóc trong Điều tàn là giả dối, đã trả lời ông ta: “*Tôi là người khóc mướn của dân Chàm đây. Nhưng lòng tôi thành thực, và những giọt lệ ở mắt tôi không phải là tôi cố nín thở, mà chính tự tim trào ra thì ông bảo sao?... Ông thử hỏi : Điều tàn có làm cho ta cảm động không? Nếu có đó là thành thực rồi*”(12) Điều tàn đột ngột tỏa sáng giữa làng thơ Việt Nam “*như một niềm kinh dị*” (Hoài Thanh) cái chính là nhờ chủ thể sáng tạo đã truyền sức sống của tâm hồn mình cho nó, chứ đâu có phải kỹ thuật, kỹ xảo gì. Bằng sự sáng tạo độc đáo, “*phi thường*” Chế Lan Viên đã làm sống lại thế giới của cái Đẹp - một thế giới đầy Đau thương, “kinh dị”. Nói như Hàn Mặc Tử: “*Ông Chế Lan Viên đã làm sống lại cả một thời kinh hãi, nhuốm màu lưu huyết*”(13). Ngay khi tác phẩm vừa ra đời, nhà nghiên cứu văn học Trương Tửu trên báo *Ích hữu*, số 101, đã viết: “*Cái đã có ấy là Điều tàn, là Diệt Vong. Cái đã sống ấy là ma là tình. Người có công phục hưng hai cái đó trong*

lòng chúng ta là thi sĩ Chế Lan Viên” (14). Trong bài viết của mình để “*giả lời một cách đau đớn* ”(chữ dùng của Chế lan Viên) cho ông Trương Tửu về việc *Điều tàn* (Những chữ dùng của Chế lan Viên), nhà thơ viết: “*Điều tàn là tất cả hồn tôi*”(15). Như thế để thấy, *cái Đẹp Hư Vô, Siêu hình* đã trở thành máu thịt, gắn bó như một điều kiện tồn tại duy nhất, không thể thiếu của đời sống tâm hồn thi sĩ. Đây chính là nguyên do căn bản lý giải vì sao sau này, khi trở về với con đường thơ cách mạng, nó vẫn bám theo, ám ảnh dai dẳng, khó lòng dứt ra khỏi thế giới tâm hồn nhà thơ đến thế.

Như vậy, *vấn đề căn cốt đặt ra trong Điều tàn là vấn đề cái Đẹp và cái Siêu hình* như chính tác giả sau khi “*trở về*” với cách mạng, đã xác nhận: “*Cả dân tộc đang sống chết vì một đạo đức (Ethique) mới. Còn tôi thì đang mắc kẹt trong các vấn đề về siêu hình và thẩm mỹ (Esthetique)*” (16). *Điều tàn* đã cống hiến cho nền thơ thời đại một cái Đẹp “*phi thường*”, độc đáo: cái đau thương lớn! Nó có lẽ còn mãi là nguồn năng lượng thẩm mỹ giúp mở rộng kích cỡ cho mọi trái tim biết quý yêu cái Đẹp, nhất là cái Đẹp trong tận cùng Đau thương. Điều này đúng như một nhà văn lớn của Pháp An-phờ-rê-đơ Muýt-xê nói: “*Không có cái gì làm cho ta lớn bằng một cái đau thương lớn*”. Với ý nghĩa này, cái Đau thương trong *Điều tàn* của Chế Lan Viên là cái “*Đau thương gieo hạt giống nhân từ*” (Nguyễn Đình Thi).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Trần Đình Sử - Đôi điều về mỹ học của nhà thơ Chế Lan Viên. Báo Văn nghệ, số 26/06/1999.
- [2]. Vũ Tuấn Anh - Chế Lan Viên với Điều tàn và Vàng sao.
- [3]. Hồ Thế Hà - Thế giới nghệ thuật thơ Chế Lan Viên (chuyên luận). Nxb Văn học, H, 2004, tr. 20.
- [4]. Chế Lan Viên - Trường Thơ Loạn ông Trương Tửu cãi lại ông Trương Tửu - Tạp chí thơ số 9 – 2007. Nxb Hội nhà văn Việt Nam, tr. 74.
- [5]. Chế Lan Viên - Tựa Điều tàn.
- [6]. Chế Lan Viên - Tuyển tập tập II. Nxb Văn học, H,1990, tr.65.
- [7]. Chế Lan Viên - Tuyển tập tập II. Nxb Văn học, H, 1990, tr.53.
- [8]. Chuyển dẫn theo Chế Lan Viên - Tuyển tập tập II. Nxb Văn học, H, 1990, tr.197.
- [9]. Hà Minh Đức – Điều tàn và tâm hồn thơ Chế Lan Viên. TCVH số 10 – 1996, tr.10.

- [10]. Hoài Thanh – Thi nhân Việt Nam
- [11]. Hàn Mặc Tử - Những thi tài mới nở : Chế Lan Viên thi sỹ của vương quốc .
- [12]. Chiêm Thành. Tạp chí thơ số 9 – 2007. Nxb Hội nhà văn, tr.71.
- [13]. Chế Lan Viên - Trường Thơ Loạn – ông Trương Tửu cãi lại ông Trương Tửu.
- [14]. Tạp chí thơ số 9 – 2007. Nxb Hội nhà văn, tr.75
- [15]. Hàn Mặc Tử - Những thi tài mới nở ... (Bài đã dẫn, tr. 75).
- [16]. Chế Lan Viên – ông Trương Tửu ... (Bài đã dẫn, tr. 76).
- [17]. (15) An-phờ-rê-đơ Muýt – xê . (Chuyển dẫn theo Nguyễn Nghiệp – Thơ và chính trị, chính trị và thơ. TCVH, số 2 – 1975, tr.16.

SUMMARY

SEVERAL THOUGHTS OF THE BEAUTY IN “DIEU TAN”**BY CHE LAN VIEN****Ha Huu Tang****Academy of Literature*

The *Beauty* of poetry is the inevitable result of the efforts of poetry creation of the artist in a particular unique aesthetic look. Also, there are also main aesthetic objects are mostly in the "waiting to welcome" by readers.

Starting on the path of poetry career toward the *Beauty*, young poet Che Lan Vien has a unique light poetry: *Disrepair*. The *Beauty* appearing in *Disrepair* is the extreme pain. It brought to the poet a great stature on the poetry forum new Poem (Tho moi), as the basis for the subsequent creation of the poet

Keywords: *Disrepair, Che Lan Vien, new Poem (Tho moi), Beauty.*

* Tel: , Email: